TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-ST
Ngày: 24-12-2020
V/v tranh chấp:
"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và ông Trần Thanh Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Cum Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Lan Đ**, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp T, xã T2, huyện P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

2/ *Bị đơn*: Bà **Trần Bảo Ch**, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp T, xã T2, huyện P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Trần Thị Lan Đ ngày 10-12-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04-12-2015, bà Trần Bảo Ch có vay của bà số tiền 12.800.000đ, lãi suất thỏa thuận 5%/ tháng, thời hạn vay không có thỏa thuận. Bà Ch có đóng lãi được vài lần, tổng số tiền lãi đã đóng bà không nhớ. Sau đó bị đơn không đóng nữa, bị đơn đã nhiều lần hứa hẹn nhưng không chịu trả

nên bà có nhờ chính quyền địa phương giải quyết và đến nay bà Ch cũng chưa trả cho bà.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà Ch trả cho bà số tiền 9.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Bảo Ch vắng mặt và không có cung cấp văn bản ý kiến nào cho Tòa án.

Tại biên bản hòa giải ngày 21-11-2019 của ấp T3 nhưng địa chỉ của các đương sự ở ấp T. Do đó, bà Trần Thị Lan Đ có đơn xin xác nhận về việc ấp T3 đã sáp nhập thành ấp T, Công an xã T1 đã xác nhận là đúng sự thật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Vào ngày 10-12-2019, bà Trần Thị Lan Đ khởi kiện bà Trần Bảo Ch yêu cầu trả số tiền vay là 12.800.000đ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T2, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét nguyên đơn là bà Trần Thị Lan Đ yêu cầu bị đơn là bà Trần Bảo Ch trả số tiền vay là 12.8000.000đ và có cung cấp chứng cứ là biên bản hòa giải ngày 21-11-2019 của chính quyền ấp T3 (nay là ấp T), nội dung biên bản hòa giải thể hiện "Bị đơn đồng ý trả vốn trước, còn lãi trả sau" nên xem đây là tình tiết, sự kiện có thật.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 9.000.000đ, yêu cầu này phù hợp với biên bản hòa giải của chính quyền ấp T3 nên ghi nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến phản bác nào về yêu cầu của nguyên đơn nên xem như bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp.

[6] Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền có thỏa thuận lãi suất và không có thỏa thuận thời hạn trả, nguyên đơn đòi nợ nhiều lần mà bị đơn không trả nên

nhờ chính quyền địa phương giải quyết và bị đơn cũng không trả đến nay. Nguyên đơn xác định cho bị đơn vay có lãi và theo biên bản hòa giải của chính quyền ấp T3 thì bị đơn cũng thừa nhận là vay có lãi nhưng bị đơn vắng mặt nên không làm rõ được mức lãi suất là bao bao nhiêu; vì vậy, xem đây là hợp đồng vay có lãi. Nguyên đơn cho rằng bị đơn có đóng lãi được vài lần nhưng không nhớ số tiền cụ thể, còn bị đơn cũng không có cung cấp chứng cứ nào chứng minh việc đóng lãi cho nguyên đơn nên không có cở sở xem xét; hơn nữa, nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi nữa nên không xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 9.000.000đ là phù hợp với các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147, Điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: (9.000.000đ x 5%) là 450.000đ.

[9] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 và 477 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Bảo Ch có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Lan Đ số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Bảo Ch phải chịu 450.000 đồng (Bốn trăm năm chục ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Thị Lan Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí 320.000đ (Ba trăm hai chục ngàn đồng) theo biên lai số AA/2019/017623 ngày 28-9-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với bị đơn, các đương sự được quyền kháng cáo.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND. TP/ Cần Thơ;
- VKSND.H/ Phong Điền;
- Chi CTHADS H/ Phong Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Văn Lo